|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  **VỤ KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2024* |

**BẢNG SO SÁNH DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI, CƠ SỞ KIỂM ĐỊNH KHÍ THẢI XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY; NIÊN HẠN SỬ DỤNG CỦA XE CƠ GIỚI VỚI QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH**

| **Nội dung Nghị định số 139/2018/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 30/2023/NĐ-CP)** | **Nội dung Nghị định số 95/2009/NĐ-CP** | **Nội dung dự thảo Nghị định** | **Lý do** |
| --- | --- | --- | --- |
| **NGHỊ ĐỊNH**  **Quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới** | **NGHỊ ĐỊNH**  **Quy định niên hạn sử dụng đối với xe ô tô chở hàng và xe ô tô chở người** | **NGHỊ ĐỊNH**  **Quy định về điều kiện cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; niên hạn sử dụng của xe cơ giới** | Phù hợp với phạm vi quy định của Nghị định. |
| *Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*  *Căn cứ Luật giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;*  *Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;*  *Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;*  *Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;*  *Chính phủ ban hành Nghị định quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.* | *Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*  *Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;*  *Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,* | *Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*  *Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*  *Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;*  *Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;*  *Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;*  *Chính phủ ban hành Nghị định quy định về* *điều kiện cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; niên hạn sử dụng của xe cơ giới.* | Cập nhật căn cứ pháp lý theo quy định hiện hành tại thời điểm soạn thảo. |
| **Chương I**  **QUY ĐỊNH CHUNG** | **Chương I**  **QUY ĐỊNH CHUNG** | **Chương I**  **QUY ĐỊNH CHUNG** |  |
| **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Nghị định này quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định đối với ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô và các loại xe tương tự (sau đây gọi chung là xe cơ giới); quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới. | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Nghị định này quy định về niên hạn sử dụng đối với các loại xe ô tô chở hàng và xe ô tô chở người (sau đây gọi là xe ô tô) tham gia giao thông trên hệ thống đường bộ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  1. Nghị định này quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định đối với ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ và xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ (sau đây gọi chung là xe cơ giới), kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; quản lý hoạt động kiểm định xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.  2. Nghị định này quy định về niên hạn sử dụng đối với các loại xe ô tô chở hàng, xe ô tô chở người có số người cho phép chở từ 09 người trở lên (không kể người lái xe), ô tô chở người chuyên dùng, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ tham gia giao thông đường bộ. | Mở rộng phạm vi điều chỉnh bao gồm 02 nội dung:  - Điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giớ;  - Niên hạn sử dụng. |
| **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến quản lý, hoạt động, kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới. | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  1. Nghị định này áp dụng đối với mọi tổ chức, cá nhân sử dụng xe ô tô tham gia giao thông trên đường bộ, trừ:  a) Xe ô tô của quân đội, công an phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh;  b) Xe ô tô chở người đến 09 chỗ ngồi (kể cả chỗ người lái);  c) Xe ô tô chuyên dùng (xe ô tô có kết cấu và trang bị để thực hiện một chức năng, công dụng đặc biệt), rơ moóc, sơ mi rơ moóc.  2. Trong trường hợp Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với Nghị định này thì áp dụng theo quy định của Điều ước quốc tế đó. | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  1. Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; kiểm định xe máy chuyên dùng; kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.  2. Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng phương tiện tham gia giao thông đường bộ sau đây:  a) Các loại xe ô tô chở hàng;  b) Xe ô tô chở người có số người cho phép chở từ 09 người trở lên (không kể người lái xe), ô tô chở người chuyên dùng;  c) Xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ;  d) Xe chở người bốn bánh có gắn động cơ.  3. Nghị định này không áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân kiểm định xe, sử dụng xe của quân đội, công an phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh. | Mở rộng đối tượng áp dụng liên quan đến 02 nội dung:  - Điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới;  - Niên hạn sử dụng. |
| **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  Trong Nghị định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  1. Kiểm định xe cơ giới (sau đây gọi tắt là kiểm định) là việc kiểm tra lần đầu và định kỳ về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới.  2. Giấy Chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (sau đây gọi tắt là giấy chứng nhận kiểm định) là chứng chỉ xác nhận xe cơ giới đã được kiểm định và đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.  3. Đơn vị đăng kiểm xe cơ giới (sau đây gọi tắt là đơn vị đăng kiểm) là đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp hoặc hợp tác xã được thành lập theo quy định của pháp luật, cung cấp dịch vụ công thực hiện công tác kiểm định và cấp giấy chứng nhận kiểm định cho xe cơ giới.  4. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới là chứng chỉ xác nhận đơn vị đăng kiểm đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.  5. Đăng kiểm viên là người được tập huấn, cấp chứng chỉ đăng kiểm viên để thực hiện một phần hoặc toàn bộ các công đoạn kiểm tra phương tiện và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra do mình thực hiện. Đăng kiểm viên gồm hai hạng: Đăng kiểm viên xe cơ giới và đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao.  6. Nhân viên nghiệp vụ là người thực hiện công việc nhận, trả, lưu trữ hồ sơ, nhập dữ liệu, tra cứu, kiểm tra, đối chiếu hồ sơ xe cơ giới vào kiểm định, in kết quả kiểm định và thực hiện các nghiệp vụ văn phòng khác theo sự phân công của đơn vị đăng kiểm.  7. Phụ trách bộ phận kiểm định là đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao, chịu trách nhiệm về kết quả kiểm định tại dây chuyền được giao phụ trách.  8. Xưởng kiểm định là khu vực bố trí các vị trí, thiết bị kiểm tra, thiết bị hỗ trợ, dụng cụ kiểm tra.  9. Dây chuyền kiểm định là nơi bố trí vị trí kiểm định, lắp đặt các thiết bị kiểm tra. Dây chuyền kiểm định gồm có hai loại:  a) Dây chuyền kiểm định loại I là dây chuyền kiểm định được xe cơ giới có khối lượng phân bố lên mỗi trục đơn đến 2.000 kg.  b) Dây chuyền kiểm định loại II là dây chuyền kiểm định được xe cơ giới có khối lượng phân bố lên mỗi trục đơn đến 13.000 kg.  10. Tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm là pháp nhân được thành lập và hoạt động theo quy định pháp luật. | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  1. Niên hạn sử dụng của xe ô tô là thời gian cho phép sử dụng của xe ô tô.  2. Xe ô tô chở hàng là xe ô tô có kết cấu và trang bị chủ yếu dùng để chuyên chở hàng hóa (xe ô tô tải).  3. Xe ô tô chở người là xe ô tô có kết cấu và trang bị dùng để chở người và hành lý mang theo. | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  1. Cơ sở đăng kiểm bao gồm cơ sở đăng kiểm xe cơ giới thực hiện việc kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng và tổ chức đăng kiểm được Bộ Giao thông vận tải thành lập theo quy định của pháp luật để thực hiện kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe máy chuyên dùng.  2. Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới là tổ chức được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.  3. Cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy (sau đây gọi tắt là cơ sở kiểm định khí thải) là tổ chức được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy, cung cấp dịch vụ công thực hiện công tác kiểm định khí thải khí thải cho xe mô tô, xe gắn máy.  4. Đăng kiểm viên kiểm định là người được tập huấn, cấp chứng chỉ đăng kiểm viên theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra do mình thực hiện. Đăng kiểm viên kiểm định gồm hai hạng: đăng kiểm viên kiểm định và đăng kiểm viên kiểm định bậc cao.  5. Lãnh đạo bộ phận kiểm định gồm Trưởng bộ phận, Phó Trưởng bộ phận là đăng kiểm viên kiểm định bậc cao và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm định được giao phụ trách.  6. Nhân viên nghiệp vụ là người thực hiện công việc nhận, trả, lưu trữ hồ sơ, nhập dữ liệu, tra cứu, kiểm tra, đối chiếu hồ sơ xe cơ giới vào kiểm định, in kết quả kiểm định và thực hiện các nghiệp vụ văn phòng khác theo sự phân công của cơ sở đăng kiểm.  7. Xưởng kiểm định là khu vực bố trí các vị trí thiết bị kiểm tra, thiết bị hỗ trợ, dụng cụ kiểm tra.  8. Dây chuyền kiểm định là nơi bố trí vị trí kiểm định, lắp đặt các thiết bị kiểm tra. Dây chuyền kiểm định gồm có hai loại:  a) Dây chuyền kiểm định loại I là dây chuyền kiểm định được xe cơ giới có khối lượng phân bố lên mỗi trục đơn đến 2.000 kg.  b) Dây chuyền kiểm định loại II là dây chuyền kiểm định được xe cơ giới có khối lượng phân bố lên mỗi trục đơn đến 13.000 kg.  9. Niên hạn sử dụng của xe ô tô là thời gian cho phép sử dụng của xe ô tô. | Chỉ quy định giải thích từ ngữ đối với các nội dung liên quan đến kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới. |
|  |  | **Chương II**  **ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM** |  |
| **Điều 4. Nguyên tắc hoạt động dịch vụ kiểm định xe cơ giới**  1. Chỉ tổ chức được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới mới được phép hoạt động kiểm định xe cơ giới.  2. Hoạt động kiểm định phải bảo đảm tính độc lập, khách quan, minh bạch, tuân thủ quy định của pháp luật.  3. Trong trường hợp hệ thống các đơn vị đăng kiểm không đáp ứng được nhu cầu kiểm định của tổ chức và cá nhân thì cho phép huy động đơn vị đăng kiểm và nhân lực của lực lượng Công an nhân dân và Quân đội nhân dân tham gia hỗ trợ kiểm định xe cơ giới thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.  4. Việc xây dựng, thành lập đơn vị đăng kiểm phải phù hợp với quy hoạch tỉnh, quy hoạch chuyên ngành và các quy hoạch khác có liên quan, trong đó có xét đến các yếu tố đặc thù của các địa phương, vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo; phù hợp với số lượng, mật độ phương tiện được đăng ký trên địa bàn; khuyến khích ứng dụng công nghệ, thiết bị kiểm định hiện đại.  5. Vị trí xây dựng đơn vị đăng kiểm phải tuân thủ quy định về đấu nối, kết nối hệ thống giao thông; thuận tiện cho xe cơ giới ra vào kiểm định; bảo đảm an toàn, thuận lợi trong quá trình hoạt động, không gây cản trở và ùn tắc giao thông, đặc biệt là tại các đô thị lớn. |  | **Điều 4. Nguyên tắc hoạt động**  1. Chỉ tổ chức được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới mới được phép hoạt động kiểm định xe cơ giới.  2. Hoạt động kiểm định phải bảo đảm tính độc lập, khách quan, minh bạch, tuân thủ quy định của pháp luật.  3. Trong trường hợp hệ thống các cơ sở đăng kiểm không đáp ứng được nhu cầu kiểm định của tổ chức và cá nhân thì cho phép huy động cơ sở đăng kiểm và nhân lực của lực lượng Công an nhân dân và Quân đội nhân dân tham gia hỗ trợ kiểm định xe cơ giới thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.  4. Việc xây dựng, thành lập đơn vị đăng kiểm phải phù hợp các quy hoạch có liên quan, trong đó có xét đến các yếu tố đặc thù của các địa phương vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo; khuyến khích ứng dụng công nghệ, thiết bị kiểm định hiện đại.  5. Vị trí xây dựng cơ sở đăng kiểm phải tuân thủ quy định về đấu nối, kết nối hệ thống giao thông; thuận tiện cho xe cơ giới ra vào kiểm định; bảo đảm an toàn, thuận lợi trong quá trình hoạt động, không gây cản trở và ùn tắc giao thông, đặc biệt là tại các đô thị lớn. | Cho phù hợp với Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và Luật Quy hoạch. |
| **Điều 5. Điều kiện chung**  Tổ chức đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, cơ cấu tổ chức, nhân lực theo quy định tại Nghị định này và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đơn vị đăng kiểm do Bộ Giao thông vận tải ban hành được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới. |  | **Điều 5. Điều kiện chung**  Cơ sở đăng kiểm phải đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, cơ cấu tổ chức, nhân lực và hệ thống quản lý theo quy định tại Nghị định này và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới; cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy do Bộ Giao thông vận tải ban hành. | Cho phù hợp với Quy chuẩn mới thay thế cho chuẩn kỹ thuật quốc gia về đơn vị đăng kiểm. |
| **Điều 6. Điều kiện về cơ sở vật chất**  1. Mặt bằng đơn vị đăng kiểm là nơi dùng để bố trí các công trình phục vụ việc kiểm định xe cơ giới trên cùng một khu đất, có diện tích được quy định như sau:  a) Đối với đơn vị đăng kiểm có một dây chuyền kiểm định loại I, diện tích mặt bằng tối thiểu sử dụng cho hoạt động kiểm định là 1.250 m2;  b) Đối với đơn vị đăng kiểm có một dây chuyền kiểm định loại II, diện tích mặt bằng tối thiểu sử dụng cho hoạt động kiểm định là 1.500 m2;  c) Đối với đơn vị đăng kiểm có hai dây chuyền kiểm định, diện tích mặt bằng tối thiểu sử dụng cho hoạt động kiểm định là 2.500 m2;  d) Đối với đơn vị đăng kiểm có từ 03 (ba) dây chuyền kiểm định trở lên thì diện tích sử dụng cho hoạt động kiểm định từ dây chuyền thứ 3 trở lên tăng thêm tương ứng cho mỗi dây chuyền không nhỏ hơn 625 m2.  2. Xưởng kiểm định  a) Xưởng kiểm định chỉ có một dây chuyền kiểm định loại I: Kích thước thông xe tối thiểu (dài x rộng x cao) là 30 x 4 x 3,5 (m);  b) Xưởng kiểm định chỉ có một dây chuyền kiểm định loại II: Kích thước thông xe tối thiểu (dài x rộng x cao) là 36 x 5 x 4,5 (m);  c) Đối với xưởng kiểm định có nhiều dây chuyền kiểm định bố trí cạnh nhau thì khoảng cách giữa tâm các dây chuyền kiểm định không nhỏ hơn 4 m và khoảng cách từ tâm dây chuyền ngoài cùng đến mặt trong tường bao gần nhất của xưởng kiểm định không nhỏ hơn 2,5 m;  d) Đối với trường hợp dây chuyền kiểm định bố trí tại nhiều xưởng kiểm định thì tổng chiều dài tối thiểu các xưởng kiểm định phải bằng chiều dài tương ứng với loại dây chuyền quy định tại điểm a, điểm b khoản này.  3. Dây chuyền kiểm định phải được bố trí, lắp đặt các thiết bị kiểm tra và dụng cụ kiểm tra phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Giao thông vận tải ban hành, đảm bảo kiểm tra được đầy đủ các hệ thống, tổng thành, chi tiết của xe cơ giới tham gia giao thông để đảm bảo chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của Luật giao thông đường bộ. |  | **Điều 6. Điều kiện về cơ sở vật chất**  1. Mặt bằng cơ sở đăng kiểm là nơi dùng để bố trí các công trình phục vụ việc kiểm định xe cơ giới trên cùng một khu đất, có diện tích được quy định như sau:  a) Đối với cơ sở đăng kiểm có một dây chuyền kiểm định loại I, diện tích mặt bằng tối thiểu sử dụng cho hoạt động kiểm định là 1.250 m2;  b) Đối với cơ sở đăng kiểm có một dây chuyền kiểm định loại II, diện tích mặt bằng tối thiểu sử dụng cho hoạt động kiểm định là 1.500 m2;  c) Đối với cơ sở đăng kiểm có hai dây chuyền kiểm định, diện tích mặt bằng tối thiểu sử dụng cho hoạt động kiểm định là 2.500 m2;  d) Đối với cơ sở đăng kiểm có từ 03 (ba) dây chuyền kiểm định trở lên thì diện tích sử dụng cho hoạt động kiểm định từ dây chuyền thứ 3 trở lên tăng thêm tương ứng cho mỗi dây chuyền không nhỏ hơn 625 m2.  2. Xưởng kiểm định  Xưởng kiểm định phải đáp ứng quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới; cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.  3. Dây chuyền kiểm định phải được bố trí, lắp đặt các thiết bị kiểm tra và dụng cụ kiểm tra phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới; cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy. | Cho phù hợp với quy định và đưa quy định của xưởng kiểm định vào dự thảo QCVN về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới; cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy. |
| **Điều 7. Điều kiện về cơ cấu tổ chức, nhân lực**  1. Cơ cấu tổ chức của đơn vị đăng kiểm phải có tối thiểu các bộ phận sau:  a) Bộ phận lãnh đạo: Gồm Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc phụ trách đơn vị đăng kiểm để tổ chức quản lý, điều hành đơn vị đăng kiểm; trong đó có tối thiểu 01 lãnh đạo đơn vị đủ điều kiện ký giấy chứng nhận kiểm định được quy định tại Điều 24 Nghị định này;  b) Bộ phận kiểm định: Gồm phụ trách bộ phận kiểm định, đăng kiểm viên để thực hiện kiểm tra, đánh giá tình trạng kỹ thuật của phương tiện;  c) Bộ phận văn phòng: Gồm nhân viên nghiệp vụ và các nhân viên khác để thực hiện các công việc văn phòng, hỗ trợ hoạt động kiểm định.  2. Nhân lực của đơn vị đăng kiểm gồm:  a) Có tối thiểu 01 lãnh đạo có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định này;  b) Có tối thiểu 01 phụ trách bộ phận kiểm định;  c) Dây chuyền kiểm định phải có tối thiểu 02 đăng kiểm viên bảo đảm thực hiện đủ các công đoạn kiểm định. Các nhân sự quy định tại điểm a và điểm b khoản này được tham gia kiểm định tại các dây chuyền kiểm định và được tính là đăng kiểm viên trên dây chuyền kiểm định;  d) Có nhân viên nghiệp vụ để thực hiện các công việc được quy định tại khoản 6 Điều 3 của Nghị định này. |  | **Điều 7. Điều kiện về cơ cấu tổ chức, nhân lực**  1. Cơ cấu tổ chức của cơ sở đăng kiểm phải có tối thiểu các bộ phận sau:  a) Bộ phận lãnh đạo: Gồm Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc phụ trách cơ sở đăng kiểm được bổ nhiệm theo quy định của pháp luật để tổ chức quản lý, điều hành cơ sở đăng kiểm;  b) Bộ phận kiểm định: Gồm lãnh đạo bộ phận kiểm định, đăng kiểm viên kiểm định để thực hiện kiểm định phương tiện;  c) Bộ phận văn phòng: Gồm nhân viên nghiệp vụ và các nhân viên khác để thực hiện các công việc văn phòng, hỗ trợ hoạt động kiểm định.  2. Nhân lực của cơ sở đăng kiểm phải đảm bảo các điều kiện sau:  a) Có tối thiểu 01 người ký giấy chứng nhận có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều này;  b) Có tối thiểu 01 lãnh đạo bộ phận kiểm định;  c) Dây chuyền kiểm định phải có tối thiểu 02 đăng kiểm viên kiểm định bảo đảm thực hiện đủ các công đoạn kiểm định. Các nhân sự quy định tại điểm a và điểm b khoản này được tham gia kiểm định tại các dây chuyền kiểm định và được tính là đăng kiểm viên kiểm định trên dây chuyền kiểm định;  d) Có nhân viên nghiệp vụ để thực hiện các công việc được quy định tại khoản 6 Điều 3 của Nghị định này.  3. Người ký giấy chứng nhận kiểm định phải đáp ứng một trong các điều kiện sau:  a) Là lãnh đạo cơ sở đăng kiểm có chứng chỉ đăng kiểm viên kiểm định còn hiệu lực;  b) Là lãnh đạo bộ phận kiểm định được ủy quyền theo quy định của pháp luật.  4. Điều kiện đối với nhân viên nghiệp vụ  a) Trình độ chuyên môn tối thiểu tốt nghiệp trung cấp.  b) Được tập huấn nghiệp vụ kiểm định theo quy định của Bộ Giao thông vận tải. | Cho phù hợp với dự thảo Nghị định. |
| **Điều 25. Quy định trong quá trình hoạt động của đơn vị đăng kiểm**  1. Thực hiện kiểm định và cấp giấy chứng nhận kiểm định cho xe cơ giới theo đúng quy định, quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các hướng dẫn có liên quan đến công tác kiểm định.  2. Duy trì điều kiện cơ sở vật chất, cơ cấu tổ chức, nhân lực theo quy định tại Nghị định này; bảo đảm các thiết bị, dụng cụ kiểm tra phải hoạt động bình thường; tuân thủ việc kiểm tra, hiệu chuẩn thiết bị, dụng cụ kiểm tra theo quy định của pháp luật về đo lường. Trong quá trình kiểm định, đơn vị đăng kiểm phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, an toàn, vệ sinh lao động, phòng cháy và chữa cháy.  3. Thu giá dịch vụ, phí, lệ phí liên quan đến hoạt động kiểm định xe cơ giới, các khoản thu khác (nếu có) và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính theo đúng quy định của pháp luật.  4. Trong vòng 18 tháng kể từ khi được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới, đơn vị đăng kiểm phải xây dựng, áp dụng, duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001.  5. Niêm yết công khai tại phòng chờ, xưởng kiểm định các nội dung về quy trình, nội dung kiểm định; biểu mức thu giá, phí, lệ phí, chu kỳ kiểm định, số điện thoại đường dây nóng của Cục Đăng kiểm Việt Nam và nội dung các thông báo khác theo quy định.  6. Thực hiện việc truyền số liệu, báo cáo theo quy định.  7. Quản lý, cấp phát các loại ấn chỉ, chứng chỉ kiểm định đúng quy định. |  | **Điều 8. Điều kiện về hệ thống quản lý của cơ sở đăng kiểm**  Cơ sở đăng kiểm phải xây dựng hệ thống quản lý của đơn vị để đảm bảo thực hiện các nội dung công việc sau:  1. Thực hiện kiểm định và cấp giấy chứng nhận kiểm định cho xe cơ giới theo đúng quy định.  2. Duy trì điều kiện cơ sở vật chất, cơ cấu tổ chức, nhân lực theo quy định tại Nghị định này; bảo đảm các thiết bị, dụng cụ kiểm tra phải hoạt động bình thường; tuân thủ việc kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị, dụng cụ kiểm tra theo quy định của pháp luật về đo lường. Trong quá trình kiểm định, cơ sở đăng kiểm phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, an toàn, vệ sinh lao động, phòng cháy và chữa cháy.  3. Thu giá dịch vụ, phí, lệ phí liên quan đến hoạt động kiểm định xe cơ giới, các khoản thu khác (nếu có) và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính theo đúng quy định của pháp luật.  4. Niêm yết công khai tại phòng chờ, xưởng kiểm định các nội dung về quy trình, nội dung kiểm định; biểu mức thu giá, phí, lệ phí, chu kỳ kiểm định, số điện thoại đường dây nóng của Cục Đăng kiểm Việt Nam, Sở Giao thông vận tải địa phương và nội dung các thông báo khác theo quy định.  5. Thực hiện việc truyền số liệu, báo cáo theo quy định.  6. Quản lý, cấp phát các loại ấn chỉ, chứng chỉ kiểm định đúng quy định.  7. Trong vòng 18 tháng kể từ khi được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới, hệ thống quản lý chất lượng của cơ sở đăng kiểm phải đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 9001. | Cho phù hợp với dự thảo Nghị định. |
|  |  | **Chương III**  **ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH KHÍ THẢI XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY CỦA CƠ SỞ KIỂM ĐỊNH KHÍ THẢI** | Xây dựng mới, lý do:  - Luật Đầu tư ngày 17/6/2020 quy định “*kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới*” là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.  + Theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật Trật tự, an toàn GTĐB quy định xe cơ giới bao gồm: ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và xe mô tô, xe gắn máy.  + Tại khoản 2 Điều 42 Luật Trật tự, an toàn GTĐB quy định “*việc kiểm định đối với xe mô tô, xe gắn máy chỉ thực hiện kiểm định khí thải*”.  Vì vậy, phải bổ sung quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy của cơ sở kiểm định khí thải. |
|  |  | **Điều 9. Nguyên tắc hoạt động**  1. Chỉ tổ chức được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy mới được phép hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.  2. Hoạt động kiểm định phải bảo đảm tính độc lập, khách quan, minh bạch, tuân thủ quy định của pháp luật.  3. Đối với cơ sở kiểm định khí thải lưu động phải được bố trí đảm bảo cho hoạt động kiểm định thuận tiện, an toàn, không gây cản trở giao thông. |
|  |  | **Điều 10. Điều kiện chung**  Cơ sở kiểm định khí thải đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực và hệ thống quản lý theo quy định tại Nghị định này và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới; cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy. |
|  |  | **Điều 11. Điều kiện về cơ sở vật chất**  1. Mặt bằng cơ sở kiểm định khí thải là nơi dùng để bố trí các công trình phục vụ việc kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy trên cùng một khu đất và phải đáp ứng các quy định sau:  a) Có diện tích tối thiểu 35 m2 và mỗi vị trí kiểm định phải có diện tích tối thiểu 6 m2.  b) Có các khu vực sau: khu vực kiểm định; khu vực để xe; khu vực văn phòng (không bắt buộc đối với cơ sở kiểm định lưu động).  2. Thiết bị kiểm định khí thải phải phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới; cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy. |
|  |  | **Điều 12. Điều kiện về nhân lực**  Nhân lực của cơ sở kiểm định khí thải phải đảm bảo các điều kiện sau:  a) Có tối thiểu 01 lãnh đạo chịu trách nhiệm về hoạt động của cơ sở kiểm định khí thải;  b) Có tối thiểu 01 đăng kiểm viên kiểm định được cấp chứng chỉ theo quy định. |
|  |  | **Điều 13. Điều kiện về hệ thống quản lý của cơ sở kiểm định khí thải**  Cơ sở kiểm định khí thải phải xây dựng hệ thống quản lý của đơn vị để đảm bảo thực hiện các nội dung công việc sau:  1. Thực hiện kiểm định và cấp tem kiểm định cho xe mô tô, xe gắn máy theo đúng quy định, quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các hướng dẫn có liên quan đến công tác kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.  2. Duy trì điều kiện cơ sở vật chất, nhân lực theo quy định tại Nghị định này; bảo đảm các thiết bị kiểm định phải hoạt động bình thường; tuân thủ việc kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị theo quy định của pháp luật về đo lường. Trong quá trình kiểm định, cơ sở kiểm định khí thải phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, an toàn, vệ sinh lao động, phòng cháy và chữa cháy.  3. Thu giá dịch vụ liên quan đến hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy, các khoản thu khác (nếu có) và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính theo đúng quy định của pháp luật.  4. Niêm yết công khai tại khu vực văn phòng: các nội dung về quy trình, nội dung kiểm định; biểu mức thu giá, chu kỳ kiểm định, số điện thoại đường dây nóng của Cục Đăng kiểm Việt Nam, Sở Giao thông vận tải địa phương và nội dung các thông báo khác theo quy định.  5. Thực hiện việc truyền số liệu, báo cáo theo quy định.  6. Quản lý, cấp phát tem kiểm định đúng quy định. |
|  | **Chương II**  **NIÊN HẠN SỬ DỤNG CỦA XE Ô TÔ** | **Chương IV**  **NIÊN HẠN SỬ DỤNG CỦA XE CƠ GIỚI** |  |
|  | **Điều 4. Quy định về niên hạn sử dụng**  1. Không quá 25 năm đối với xe ô tô chở hàng.  2. Không quá 20 năm đối với xe ô tô chở người.  3. Không quá 17 năm đối với xe ô tô chuyển đổi công năng từ các loại xe khác thành xe ô tô chở người trước ngày 01 tháng 01 năm 2002. | **Điều 14. Quy định về niên hạn sử dụng**  1. Không quá 25 năm đối với: ô tô chở hàng (ô tô tải), ô tô chở hàng chuyên dùng (ô tô tải chuyên dùng), xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ.  2. Không quá 20 năm đối với: ô tô chở người có số người cho phép chở từ 09 người trở lên (không kể người lái xe), ô tô chở người chuyên dùng, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ.  3. Không quá 20 năm đối với xe ô tô chở trẻ em mầm non, học sinh.  4. Các loại xe không áp dụng niên hạn sử dụng bao gồm:  a) Xe mô tô, xe gắn máy, xe ô tô chở người có số người cho phép chở đến 08 người (không kể người lái xe), xe ô tô chuyên dùng, rơ moóc, sơ mi rơ moóc;  b) Xe cơ giới của quân đội, công an phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh. | Cho phù hợp với Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ. |
|  | **Điều 5. Thời điểm tính niên hạn sử dụng**  1. Niên hạn sử dụng của xe ô tô được tính bắt đầu từ năm sản xuất xe.  2. Một số trường hợp đặc biệt khi được Thủ tướng Chính phủ cho phép, niên hạn sử dụng được tính từ năm đăng ký xe ô tô lần đầu. | **Điều 15. Niên hạn sử dụng của xe cải tạo**  1. Xe có niên hạn sử dụng cải tạo thành xe không có niên hạn sử dụng thì áp dụng quy định về niên hạn của xe trước khi cải tạo;  2. Xe không có niên hạn sử dụng cải tạo thành xe có niên hạn sử dụng thì áp dụng quy định về niên hạn của xe sau khi cải tạo;  3. Xe ô tô chở người có số người cho phép chở từ 09 người trở lên (không kể người lái xe), xe ô tô chở người chuyên dùng cải tạo thành xe ô tô chở hàng (kể cả xe ô tô chở hàng chuyên dùng); xe chở người bốn bánh có gắn động cơ cải tạo thành xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ thì được áp dụng quy định về niên hạn của xe sau cải tạo. | Cho phù hợp với Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ. |
|  |  | **Điều 16. Xác định niên hạn sử dụng**  1. Thời điểm tính niên hạn sử dụng  a) Niên hạn sử dụng của xe cơ giới được tính bắt đầu từ năm sản xuất xe đến hết ngày 31 tháng 12 của năm hết niên hạn sử dụng.  b) Một số trường hợp đặc biệt khi được Thủ tướng Chính phủ cho phép, niên hạn sử dụng được tính từ năm đăng ký xe ô tô lần đầu.  2. Niên hạn sử dụng của ô tô quy định tại Điều 14 Nghị định này được xác định căn cứ theo thứ tự ưu tiên sau đây:  a) Số nhận dạng của xe (số VIN);  b) Số khung của xe;  c) Các tài liệu kỹ thuật của Nhà sản xuất;  d) Thông tin trên nhãn mác của Nhà sản xuất được gắn hoặc đóng trên ô tô;  đ) Hồ sơ lưu trữ như: Giấy chứng nhận chất lượng; Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng đối với ô tô sản xuất trong nước; Biên bản kiểm tra hoặc nghiệm thu, Giấy chứng nhận chất lượng phương tiện cơ giới đường bộ cải tạo đối với ô tô cải tạo; Hồ sơ gốc do cơ quan công an quản lý; Chứng từ nhập khẩu.  3. Ô tô không có ít nhất một trong những tài liệu, hồ sơ, cơ sở nêu tại khoản 2 của Điều này được coi là hết niên hạn sử dụng. | Cho phù hợp với Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ. |
|  |  | **Chương V**  **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** |  |
| **Điều 27. Tổ chức thực hiện**  1. Trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải  a) Thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động kiểm định xe cơ giới và tổ chức triển khai thực hiện Nghị định này;  b) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thực hiện Nghị định này;  c) Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đơn vị đăng kiểm xe cơ giới;  d) Tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật;  đ) Phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng triển khai thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị định này;  e) Chủ trì xây dựng và thống nhất với Bộ Tài chính trước khi ban hành quy định giá dịch vụ kiểm định xe cơ giới theo quy định của pháp luật về giá. |  | **Điều 17. Trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải**  1. Thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy và tổ chức triển khai thực hiện Nghị định này.  2. Phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng triển khai thực hiện khoản 3 Điều 4 Nghị định này.  3. Chủ trì xây dựng, ban hành quy định giá dịch vụ kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy theo quy định của pháp luật về giá.  4. Tổ chức thực hiện hoạt động kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng. | Cho phù hợp với phạm vi của dự thảo Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy |
|  |  | **Điều 18. Trách nhiệm của Bộ Công an**  Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin chuyên ngành sau đây: Cơ sở dữ liệu về đăng ký xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ; Cơ sở dữ liệu về tai nạn giao thông đường bộ; Cơ sở dữ liệu về hành trình của phương tiện giao thông đường bộ. | Bổ sung trách nhiệm của Bộ Công an. |
| 3. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ  a) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền về đo lường đối với phương tiện đo sử dụng trong hoạt động kiểm định xe cơ giới;  b) Chủ trì phối hợp với các bộ, ngành liên quan tổ chức thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, kiểm định, hiệu chuẩn đối với phương tiện đo sử dụng trong hoạt động kiểm định xe cơ giới theo quy định của pháp luật về đo lường. |  | **Điều 19. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ**  1. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền về đo lường đối với phương tiện đo sử dụng trong hoạt động kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.  2. Chủ trì phối hợp với các bộ, ngành liên quan tổ chức thực hiện việc thanh tra, kiểm tra và quản lý hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn đối với phương tiện đo sử dụng trong hoạt động kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy theo quy định của pháp luật về đo lường. | Cho phù hợp với phạm vi của dự thảo Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy |
| 4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương  a) Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải tổ chức triển khai thực hiện Nghị định này;  b) Chỉ đạo Sở Giao thông vận tải và các cơ quan chức năng của địa phương thực hiện việc quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới trên địa bàn; kiểm soát chặt chẽ việc thành lập các đơn vị đăng kiểm bảo đảm đúng quy định của pháp luật và Nghị định này. |  | **Điều 20. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương**  1. Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải tổ chức triển khai thực hiện Nghị định này;  2. Chỉ đạo Sở Giao thông vận tải và các cơ quan chức năng của địa phương thực hiện việc quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy trên địa bàn. | Cho phù hợp với phạm vi của dự thảo Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy |
| 5. Trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam  a) Tổ chức kiểm tra hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới trên phạm vi cả nước; xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo thẩm quyền đối với các vi phạm;  b) Xây dựng, quản lý, hướng dẫn sử dụng thống nhất chương trình phần mềm quản lý, cơ sở dữ liệu kiểm định, truyền số liệu, quản lý dữ liệu xe cơ giới kiểm định và cơ sở dữ liệu đăng kiểm viên trên cả nước; kết nối, chia sẻ dữ liệu xe cơ giới kiểm định với các cơ quan chức năng để phối hợp thực hiện công tác quản lý nhà nước; tổ chức việc cảnh báo trên Chương trình Quản lý kiểm định đối với các phương tiện vi phạm theo đề nghị của cơ quan chức năng;  c) Biên soạn tài liệu, tổ chức đào tạo, tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ theo đề nghị của đơn vị đăng kiểm xe cơ giới, tổ chức, cá nhân có nhu cầu; phổ biến văn bản quy phạm pháp luật, cập nhật bổ sung nghiệp vụ đăng kiểm; hướng dẫn Sở Giao thông vận tải về nghiệp vụ quản lý, kiểm định xe cơ giới;  d) Công bố trên Trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam danh sách các đơn vị đăng kiểm được cấp, tạm đình chỉ, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới; danh sách đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ;  đ) Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 8, Điều 9 của Nghị định này khi Sở Giao thông vận tải chưa thực hiện được và có văn bản đề nghị;  e) Bàn giao hồ sơ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới (bản sao có xác nhận của Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc bản điện tử) cho Sở Giao thông vận tải để lưu trữ, quản lý theo thẩm quyền. | Điều 8. Trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam  1. Tổ chức thông tin tuyên truyền, phổ biến Nghị định 95/2009/NĐ-CP.  2. Hướng dẫn, chỉ đạo và kiểm tra các đơn vị Đăng kiểm xe cơ giới trong toàn quốc thực hiện các công việc sau đây:  a) Xác định năm sản xuất, lập danh sách ô tô hết niên hạn sử dụng theo định kỳ hàng năm;  b) Báo cáo theo yêu cầu danh sách ô tô đã và sắp hết hạn sử dụng về Cục Đăng kiểm Việt Nam;  c) Thông báo danh sách ô tô hết niên hạn sử dụng cho Phòng Cảnh sát giao thông và Thanh tra giao thông các địa phương để theo dõi, kiểm tra, quản lý đồng thời thông báo công khai tại đơn vị để có cơ sở cho nhân dân và chính quyền địa phương giám sát.  3. Định kỳ hàng năm, tập hợp danh sách ô tô đã và sắp hết hạn sử dụng theo lộ trình, thông báo cho Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt để phối hợp theo dõi, kiểm tra, quản lý.  4. Giải quyết, xử lý các trường hợp có thắc mắc, khiếu nại, tố cáo theo quy định hiện hành.  5. Định kỳ hàng năm, tổng hợp báo cáo Bộ Giao thông vận tải việc thực hiện Nghị định 95/2009/NĐ-CP và đề xuất các giải pháp cần thiết. | **Điều 21. Trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam**  1. Tổ chức thanh tra chuyên ngành, kiểm tra hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy trên phạm vi cả nước; xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo thẩm quyền đối với các vi phạm.  2. Xây dựng, quản lý, hướng dẫn sử dụng thống nhất chương trình phần mềm quản lý, cơ sở dữ liệu kiểm định, truyền số liệu, quản lý dữ liệu kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy và cơ sở dữ liệu đăng kiểm viên kiểm định trên cả nước; kết nối, chia sẻ dữ liệu kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy kiểm định với các cơ quan chức năng để phối hợp thực hiện công tác quản lý nhà nước; tổ chức việc cảnh báo trên Chương trình Quản lý kiểm định đối với các phương tiện vi phạm theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng và phối hợp với Cục Cảnh sát giao thông cảnh báo đối với các trường hợp phương tiện vi phạm hành chính.  3. Định kỳ hàng năm, tập hợp danh sách ô tô hết niên hạn sử dụng theo lộ trình, thông báo cho Cục Cảnh sát giao thông để phối hợp theo dõi, kiểm tra, quản lý. | Cho phù hợp với phạm vi của dự thảo Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy |
| 6. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải  a) Tổ chức quản lý hoạt động kiểm định xe cơ giới; thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong việc thực hiện các quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới tại Nghị định này và các quy định của pháp luật liên quan khác trên địa bàn;  b) Thực hiện cấp, cấp lại, tạm đình chỉ, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới; kiểm tra, đánh giá việc duy trì các điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực và hoạt động kiểm định;  c) Thông báo (bằng văn bản hoặc thông qua chương trình phần mềm) kết quả thực hiện các nội dung quy định tại điểm a, điểm b điều này đến Cục Đăng kiểm Việt Nam;  d) Công bố trên Trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải danh sách các đơn vị đăng kiểm được cấp, tạm đình chỉnh, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe giới; danh sách đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ thuộc phạm vi quản lý của Sở Giao thông vận tải. | **Điều 9. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải**  1. Tuyên truyền, phổ biến Nghị định 95/2009/NĐ-CP và Thông tư này đến mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân đang khai thác sử dụng ô tô tại địa phương để thực hiện.  2. Phối hợp với Cục Đăng kiểm Việt Nam chỉ đạo các đơn vị Đăng kiểm xe cơ giới thuộc thẩm quyền quản lý tại địa phương tổ chức thực hiện Nghị định 95/2009/NĐ-CP và Thông tư này. | **Điều 22. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải**  1. Tổ chức quản lý hoạt động kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; thanh tra, kiểm tra, xử lý và kiến nghị xử lý vi phạm theo thẩm quyền trong việc thực hiện các quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy tại Nghị định này và các quy định của pháp luật liên quan khác tại địa phương.  2. Tuyên truyền, phổ biến quy định về niên hạn sử dụng của xe cơ giới đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân đang khai thác sử dụng ô tô tại địa phương để thực hiện.  3. Triển khai thực hiện việc đăng, gỡ cảnh báo trên phần mềm cảnh báo xe cơ giới của Cục Đăng kiểm Việt Nam đối với các phương tiện vi phạm khi chủ phương tiện chưa thực hiện xong yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết vụ việc vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông đường bộ tại địa phương. | Cho phù hợp với phạm vi của dự thảo Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy |
| 8. Trách nhiệm của đơn vị đăng kiểm  a) Tuân thủ các điều kiện quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan về các điều kiện kinh doanh và hoạt động kiểm định xe cơ giới; bảo đảm các phương tiện đo phải hoạt động bình thường; tuân thủ việc kiểm tra, kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo theo quy định của pháp luật về đo lường;  b) Phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác đánh giá tình trạng kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới;  c) Bảo đảm thời gian hoạt động kiểm định bình thường tối thiểu 08 giờ/ngày và 05 ngày/tuần; thông báo công khai thời gian kiểm định tại trụ sở đơn vị đăng kiểm;  d) Bàn giao đầy đủ hồ sơ lưu trữ liên quan đến xe cơ giới theo hướng dẫn của Sở Giao thông vận tải khi giải thể đơn vị đăng kiểm hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới;  đ) Chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới;  e) Cử đăng kiểm viên đủ tiêu chuẩn tham gia tập huấn cập nhật, bổ sung nghiệp vụ kiểm định xe cơ giới khi có sự thay đổi về tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định của pháp luật có liên quan và tiến bộ khoa học kỹ thuật trong công tác kiểm định xe cơ giới;  g) Quản lý, giám sát hoạt động kiểm định tại đơn vị, chịu trách nhiệm toàn diện khi để xảy ra vi phạm, tiêu cực tại đơn vị đăng kiểm;  h) Đối với trường hợp thay đổi về đăng kiểm viên làm ảnh hưởng đến hoạt động của đơn vị đăng kiểm thì phải thông báo đến Sở Giao thông vận tải và Cục Đăng kiểm Việt Nam;  i) Chưa thực hiện kiểm định đối với các trường hợp không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ; các trường hợp quá thời hạn hẹn đến giải quyết vụ việc vi phạm được ghi trong biên bản vi phạm hành chính hoặc văn bản thông báo của người có thẩm quyền xử phạt mà chủ phương tiện, người vi phạm không đến trụ sở của người có thẩm quyền để giải quyết, xử lý; các trường hợp bị cảnh báo trên Chương trình quản lý kiểm định. Sau khi chủ phương tiện, người vi phạm thực hiện các nghĩa vụ nêu trên thì được kiểm định theo quy định. |  | **Điều 23. Trách nhiệm của cơ sở đăng kiểm, cơ sở kiểm định khí thải**  1. Tuân thủ các điều kiện quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan về hoạt động kiểm định xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; bảo đảm các thiết bị, dụng cụ kiểm tra phải hoạt động bình thường; tuân thủ việc kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị, dụng cụ kiểm tra theo quy định của pháp luật về đo lường.  2. Phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác đánh giá tình trạng kỹ thuật của xe cơ giới; bảo vệ môi trường của xe cơ giới và xe mô tô, xe gắn máy.  3. Bảo đảm thời gian hoạt động kiểm định bình thường tối thiểu 08 giờ/ngày và 05 ngày/tuần; thông báo công khai thời gian kiểm định tại trụ sở cơ sở đăng kiểm, cơ sở kiểm định khí thải.  4. Chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.  5. Quản lý, giám sát hoạt động kiểm định tại đơn vị, chịu trách nhiệm toàn diện khi để xảy ra vi phạm, tiêu cực tại cơ sở đăng kiểm, cơ sở kiểm định khí thải.  6. Được yêu cầu cơ quan bảo vệ pháp luật xử lý các hành vi cản trở hoạt động của cơ sở đăng kiểm, cơ sở kiểm định khí thải.  7. Báo cáo danh sách ô tô hết niên hạn sử dụng về Cục Đăng kiểm Việt Nam, Sở Giao thông vận tải và Phòng Cảnh sát giao thông địa phương theo quy định.  8. Thực hiện việc đăng cảnh báo đối với phương tiện kiểm định có kết quả không đạt và gỡ cảnh báo sau khi phương tiện đã kiểm định có kết quả đạt trên phần mềm cảnh báo xe cơ giới. | Cho phù hợp với phạm vi của dự thảo Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy |
|  | **Điều 6. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng xe ô tô tham gia giao thông**  1. Thực hiện niên hạn sử dụng được quy định tại Điều 4 của Nghị định này.  2. Có kế hoạch đổi mới phương tiện. | **Điều 24. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng xe ô tô tham gia giao thông**  Thực hiện niên hạn sử dụng được quy định tại Điều 14, Điều 15 của Nghị định này. | Cho phù hợp với dự thảo Nghị định. |
|  |  | **Chương VI**  **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH** |  |
|  |  | **Điều 25. Điều khoản chuyển tiếp**  1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới đã cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì được tiếp tục sử dụng.  2. Chứng chỉ đăng kiểm viên đã cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực vẫn có giá trị cho đến hết thời hạn hiệu lực.  3. Các cơ sở đăng kiểm tiếp tục áp dụng theo biểu giá dịch vụ kiểm định xe cơ giới hiện hành cho đến khi ban hành biểu giá mới.  4. Các cơ sở đăng kiểm xe cơ giới đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới trước ngày 01 tháng 7 năm 2016 không phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 Nghị định này.  5. Quy định về niên hạn sử dụng của các loại xe chở tiền, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ tại Điều 14 Nghị định này không áp dụng đối với xe có năm sản xuất trước năm có hiệu lực của Nghị định này.  6. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó. | Quy định chuyển tiếp đối với giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới và chứng chỉ đăng kiểm đã cấp theo Nghị định số 139/2018/NĐ-CP và Nghị định số 30/2023/NĐ-CP. Và quy định chuyển tiếp về giá dịch vụ kiểm định. |
|  |  | **Điều 26. Hiệu lực thi hành và trách nhiệm thực hiện**  1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 và bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật sau:  a) Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới;  b) Nghị định số 30/2023/NĐ-CP ngày 08 tháng 06 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới;  c) Nghị định số .../2024/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 30/2023/NĐ-CP ngày 08/6/2023 của Chính ph;  d) Nghị định số 95/2009/NĐ-CP ngày 30/10/2009 của Chính phủ quy định niên hạn sử dụng đối với xe ô tô chở hàng và xe ô tô chở người;  đ) Thông tư số 21/2010/TT-BGTVT ngày 10/8/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 95/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ quy định niên hạn sử dụng đối với xe ô tô chở hàng và xe ô tô chở người. |  |